

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU VÀ ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN NĂNG LỰC TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG TRÌNH ĐỘ A2 THEO KHUNG THÂM CHIẾU CHÂU ÂU CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

(Ban hành kèm theo QĐ số 598/QĐ-ĐHNLBG-HĐT ngày 29 tháng 9 năm 2020
của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

TT	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Kết quả	Số vào sổ
									NGHE	ĐỌC + VIẾT	NÓI	TỔNG ĐIỂM		
1	01	TA04	Nông Tuấn Anh	18/03/2000	Quảng Ninh	Nam	D-KHCT8A	18DKHCT0131	9	53	12	74	A2	A0355
2	01	TA05	Hoàng Thị Minh Ánh	01/10/1999	Bắc Giang	Nữ	D-QLTN7A	17DQLTN0359	8	51	11	70	A2	A0356
3	01	TA12	Đinh Thu Hà	15/10/1999	Ninh Bình	Nữ	D-THUY7A	17DTY0529	13	48	10	71	A2	A0357
4	01	TA13	Nguyễn Thị Thu Hà	01/05/1999	Bắc Giang	Nữ	D-QLTN7A	17DQLTN0362	17	59	9	85	A2	A0358
5	01	TA16	Nguyễn Thị Hân	01/10/1997	Bắc Giang	Nữ	D-THUY5A	15DTY0285	13	50	9	72	A2	A0359
6	01	TA19	Hà Huy Hùng	25/08/1996	Bắc Giang	Nam	D-THUY4C	14DTY0240	13	46	11	70	A2	A0360
7	02	TA21	Dương Thị Thanh Huyền	06/05/1998	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN7A	17DKT0372	12	55	7	74	A2	A0361
8	02	TA22	Nguyễn Thanh Hương	24/05/2000	Bắc Giang	Nữ	D-CNTP8A	18DCNTP0156	11	54	9	74	A2	A0362
9	02	TA24	Hoàng Thành Lâm	15/12/2001	Lạng Sơn	Nam	D-THUY 9A	19TY0659	16	47	11	74	A2	A0363
10	02	TA25	Đỗ Thùy Linh	19/04/1999	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN7A	17DKT0377	10	50	10	70	A2	A0364
11	02	TA26	Trần Thị Ái Linh	03/11/1998	Bắc Giang	Nữ	D-QLTN7A	17DQLTN0380	18	52	13	83	A2	A0365
12	02	TA27	Nguyễn Tuấn Mạnh	04/08/1999	Hà Nam	Nam	D-KETOAN7A	17DKT0380	21	52	11	84	A2	A0366
13	02	TA28	Phan Thị Nga	15/11/2000	Bắc Ninh	Nữ	D-CNTP8A	18DCNTP0159	18	57	11	86	A2	A0367
14	02	TA30	Đỗ Bích Ngọc	02/08/2001	Hà Nội	Nữ	D-CNTP 9A	19DCNTP0167	12	57	13	82	A2	A0368
15	02	TA31	Giáp Thị Minh Ngọc	21/12/1999	Bắc Giang	Nữ	D-THUY7A	17DKT0547	12	53	7	72	A2	A0369
16	02	TA32	Trần Phi	10/08/1999	Bắc Ninh	Nam	D-QLDD7A	17DQLDD0464	8	53	10	71	A2	A0370
17	02	TA36	Trần Thị Quỳnh	16/09/1999	Bắc Giang	Nữ	D-CNTP8A	18DCNTP0161	4	55	11	70	A2	A0371
18	02	TA37	Hà Anh Sơn	11/12/2000	Hà Nội	Nam	D-CNTP8A	18DCNTP0162	10	54	9	73	A2	A0372

19	02	TA39	Nguyễn Văn Tâm	15/12/1999	Bắc Giang	Nam	D-THUY9A	19DTY0601	17	43	11	71	A2	A0373
20	03	TA41	Trần Quang Thành	21/10/2001	Bắc Giang	Nam	D-THUY 9A	19DTY0603	14	56	11	81	A2	A0374
21	03	TA42	Đào Thị Thanh Thảo	14/11/2000	Hà Nội	Nữ	D-CNTP8A	18DCNTP0161	13	56	9	78	A2	A0375
22	03	TA44	Trương Tuấn Thảo	06/12/1999	Bắc Ninh	Nam	D-QLTN7A	17DQLTN0367	7	52	11	70	A2	A0376
23	03	TA46	Nguyễn Toàn Thắng	20/12/1998	Bắc Ninh	Nam	D-QLTN6A	16DQLTN0353	10	50	11	71	A2	A0377
24	03	TA47	Phạm Tiến Thắng	31/01/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY7A	16DTY0435	12	50	10	72	A2	A0378
25	03	TA48	Nguyễn Thị Thu	28/09/2001	Bắc Giang	Nữ	D-THUY 9A	19DTY0604	14	53	6	73	A2	A0379
26	03	TA49	Nguyễn Văn Thuật	21/06/1999	Bắc Giang	Nam	D-CNTY7A	17DCNTY0050	13	47	11	71	A2	A0380
27	03	TA50	Nông Kim Thùy	28/08/2000	Tuyên Quang	Nữ	D-QLTN8A	18DQLTN0375	17	42	11	70	A2	A0381
28	03	TA51	Nguyễn Thị Tĩnh	28/06/1996	Bắc Giang	Nữ	D-CHANNUOI5A	15DCN0103	17	44	9	70	A2	A0382
29	03	TA54	Vũ Thị Minh Trang	19/11/2001	Hà Nội	Nữ	D-CNTP 9A	19DCNTP0172	13	51	12	76	A2	A0383
30	03	TA56	Hoàng Văn Tùng	14/07/1999	Hà Giang	Nam	C-THUY18A	17CTY0115	18	41	11	70	A2	A0384
31	03	TA60	Trần Đình Vy	08/08/1998	Hà Nội	Nam	D-CNTY7A	17DCNTY0054	11	49	10	70	A2	A0385

Tổng số thí sinh theo danh sách: 31

Thư ký Hội đồng thi

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Quang

Chủ tịch Hội đồng thi

Phó Hiệu trưởng

(Đã ký)

TS. Mai Thị Huyền